

Bản án số 04/2019/DS-ST
Ngày 25 - 6 - 2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Y Đo Niê; bà Bùi Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lương Thị X sinh năm 1986. Địa chỉ: thôn 03, xã Y, huyện E, tỉnh Đ. Có mặt.

Bị đơn: ông Nguyễn Cao C sinh năm 1983. Nơi đăng ký HKTT: thôn 03, xã Y, huyện E, tỉnh Đ. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 1, trại giam Đ, huyện M, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị X trình bày:

Bà X và ông Nguyễn Cao C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện E, tỉnh Đ vào ngày 30/01/2007. Bà X và ông C tính tình không hợp nhau, dẫn đến bất đồng trong lối sống, ông C đánh đập, xúc phạm bà X. Năm 2013, ông C đi chấp hành án về tội “Hủy hoại rừng”, mỗi lần bà X đến thăm nuôi, ông C chửi bới và sỉ nhục bà X. Nay bà X không còn tình cảm với ông C, bà X yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà X được ly hôn với ông C.

Về con chung: bà X và ông C có 01 con chung là Nguyễn Cao Q sinh ngày 20/7/2007, hiện đang ở cùng bà X. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến khi con thành niên, không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Về tài sản chung của vợ chồng: bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình làm việc với bị đơn Nguyễn Cao C, ông C chỉ nhận thông báo việc thụ lý của Tòa án, ngoài ra ông C không tự khai, từ chối nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án. Nhưng qua lời trình bày của ông C tại Trại giam Đ thì: ông C và bà X tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký tại UBND xã Y vào ngày 30/01/2007. Quá trình chung sống, ông C và bà X không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2013, ông C chấp hành hình phạt 08 năm tù theo Bản án Phúc thẩm số 54/2013 ngày 28/02/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ. Bà X yêu cầu ly hôn với ông C là vì bà X có quan hệ ngoại tình với người khác, nhưng bà X không nêu đúng lý do trong đơn khởi kiện, nên ông C không đồng ý ly hôn với bà Xuân. Ông C từ chối trình bày về vấn đề con cái, tài sản.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn từ chối làm việc và từ chối việc giao nhận các văn bản tố tụng

- Về nội dung: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lương Thị X, xử cho bà X được ly hôn với ông C; Giao cho bà X trực tiếp nuôi con Nguyễn Cao Q sinh ngày 20/7/2007 đến khi con thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

Bà Lương Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Cao C có nơi đăng ký hộ khẩu tại thôn 3, xã Y, huyện E, tỉnh Đ. Tòa án nhân dân huyện Ea chuyển hồ sơ vụ án vì ông C đang chấp hành án tại trại giam Đ đóng tại thôn 1, xã EaPil huyện M'Drăk, tỉnh Đăk Lăk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Drăk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình Tòa án làm việc với ông C, ông C từ chối viết bản tự khai và tham gia tố tụng, không ký và không nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án, nên Tòa án không thể xác định được các yêu cầu của ông C. Nên Tòa án, xét xử vắng mặt ông C.

[2]. Về nội dung:

Bà X và ông C tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y vào ngày 30/01/2007. Hôn nhân giữa ông C và bà X là hợp pháp. Ông C đang chấp hành hình phạt tù, nên ông C và bà X không còn chung sống với nhau từ năm 2013.

Do bất đồng trong lối sống, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau, ông C xúc phạm bà X, kể cả trong thời gian ông C chấp hành án. Bà X đến thăm ông Cường, ông C cho rằng bà X ngoại tình, nên vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa ông C và bà X không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần chấp nhận, giải quyết cho bà X được ly hôn với ông C.

Về con chung: ông C và bà X có 01 con chung là Nguyễn Cao Q sinh ngày 20/7/2007. Xét thấy ông C đang chấp hành án phạt tù, không thể trực tiếp nuôi con. Cháu Q đang ở cùng bà X và có nguyện vọng được bà X trực tiếp nuôi dưỡng. HĐXX cần giao Nguyễn Cao Q cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3] Về án phí: bà X là nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Tuy nhiên, bà X là người dân tộc thiểu số (dân tộc T), cư trú tại xã Y, huyện E, tỉnh Đ thuộc vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà X được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho bà Lương Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Cao C.

2. Về con chung: Giao cho bà Lương Thị X trực tiếp nuôi con Nguyễn Cao Q sinh ngày 20/7/2007 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: bà Lương Thị X được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trả lại cho bà Lương Thị X 300.000đồng mà bà X đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0006597 ngày 14/2/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EaSup, tỉnh Đắk Lắk.

4. Thông báo quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrắk;
- UBND xã Y.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương